

UBND PHƯỜNG CHƠN THÀNH
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ
TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN
XÂY DỰNG ĐƯỜNG DÂY 500KV
BÌNH DƯƠNG 1 - CHƠN THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHƯƠNG ÁN
BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN XÂY DỰNG
ĐƯỜNG DÂY 500KV BÌNH DƯƠNG 1 - CHƠN THÀNH
(ĐOẠN QUA ĐỊA BÀN PHƯỜNG CHƠN THÀNH)

I. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Công văn số 2617/QHPTTND-PPTTND ngày 16/12/2024 của Cục quy hoạch phát triển tài nguyên đất về việc hướng dẫn vướng mắc khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 21/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/QĐ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/QĐ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026; Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 182/UBND-TH ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thỏa thuận hướng tuyến công trình đường dây 500kV Bình Dương 1 - Chơn Thành;

Căn cứ Công văn số 1757/UBND-KTNS ngày 02/02/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự, công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 3690/UBND - KTN ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức thực hiện Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Công văn số 106/VPĐK-KTĐC ngày 08/7/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai về việc chuyển đổi số tờ bản đồ địa chính các phường, xã thuộc tỉnh Đồng Nai phục vụ cho công tác sáp nhập theo Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15;

Căn cứ Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 13/6/2026 của UBND phường Chơn Thành về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ hạn chế khả năng sử dụng đất đối với diện tích đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ an toàn lưới điện thuộc dự án đường dây 500kV Bình Dương 1 - Chơn Thành (đoạn qua địa bàn phường Chơn Thành);

Căn cứ Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của UBND phường Chơn Thành về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đường dây 500kV Bình Dương 1 - Chơn Thành (đoạn qua địa bàn phường Chơn Thành);

Căn cứ Kế hoạch số 151/KH-HĐBT ngày 01/6/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường dây 500kV Bình Dương 1 - Chơn Thành về bồi thường, hỗ trợ và thu hồi đất dự án đường dây 500kV thực hiện dự án Đường dây 500kV Bình Dương 1 - Chơn Thành qua địa bàn phường Chơn Thành;

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường dây 500kV Bình Dương 1 - Chơn Thành xây dựng dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án Đường dây 500kV Bình Dương 1 - Chơn Thành, cụ thể như sau:

II. Số Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án: 14 hộ gia đình, cá nhân, gồm 21 thửa đất.

III. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc của đất thu hồi; số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại:

1. Vị trí: Dự án Đường dây 500kV Bình Dương 1 - Chơn Thành đoạn qua địa bàn phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai.

2. Tổng diện tích đất ảnh hưởng: 32.987,8m² (trong đó có 31.804,8m² ảnh hưởng hành lang bảo vệ đường điện, có 1.183,0m² thu hồi đất của 02 trụ móng).

3. Địa điểm: Khu đất tọa lạc tại phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai.

4. Loại đất: Đất trồng cây lâu năm.

5. Nguồn gốc đất: Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6. Số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại: Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường dây 500kV Bình Dương 1 - Chơn Thành lập; Thời điểm tạo lập tài sản trên đất theo Giấy xác định số 28/GXD-UBND, 29/GXD-UBND, 30/GXD-UBND, 31/GXD-UBND, 32/GXD-UBND, 33/GXD-UBND, 34/GXD-UBND, 35/GXD-UBND, 36/GXD-UBND, 37/GXD-UBND, 38/GXD-UBND, 39/GXD-UBND, 40/GXD-UBND, 41/GXD-UBND ngày 03/7/2026 của UBND phường Chơn Thành.

IV. Giá đất tính bồi thường, giá nhà, công trình tính bồi thường, số nhân khẩu, số lao động trong độ tuổi, số lượng người được hưởng trợ cấp xã hội; chính sách hỗ trợ:

1. Đơn giá bồi thường đất: Thực hiện theo Nghị quyết số 28/2025/QĐ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026 và Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026, đơn giá đất cụ thể:

TT	Hạng mục	Hệ số điều chỉnh giá đất (Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai)			Giá đất (đồng/m ²)	
		Phụ lục I.2 (Hệ số điều chỉnh biến động thị trường đối với đất nông nghiệp)	Phụ lục II (Hệ số điều chỉnh theo quy hoạch)	Phụ lục III (Hệ số điều chỉnh theo yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất)	Nghị quyết số 28/2025/QĐ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai	Cụ thể
I	Giá đất trồng cây lâu năm					
1	Thửa đất không tiếp giáp đường, được xác định theo các tuyến đường đất còn lại					
	Vị trí 2 - Phạm vi 1	1,1	1,0	1,0	152.000 (giá đất tối thiểu)	167.200
2	Thửa đất xác định theo đường nhựa, đường bê tông còn lại					
	Vị trí 1 - Phạm vi 1	1,1	1,0	1,0	250.000	275.000
3	Thửa đất xác định theo đường nhựa, đường bê tông còn lại					
	Vị trí 1 - Phạm vi 2	1,1	1,0	1,0	200.000	220.000
4	Thửa đất xác định theo đường đất còn lại					
	Vị trí 1 - Phạm vi 1	1,1	1,0	1,0	250.000	275.000

2. Khu vực, vị trí, phạm vi, loại đường phố của thửa đất: Thực hiện theo trích lục bản đồ địa chính thửa đất, danh sách cung cấp thông tin, bản sao Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất của từng thửa đất do Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành lập và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.

3. Đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và cây trồng trên đất: Thực hiện theo Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai: “*Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 109 Luật số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15 khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất để bồi thường và được bồi thường bằng tiền thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền, với mức hỗ trợ bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương quy định tại Điều 176 Luật số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15.*”.

- Hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại phường Chơn Thành: **01** hộ gia đình, cá nhân gồm **01** thửa đất.

+ Số hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: **01** hộ gia đình, cá nhân gồm **01** thửa đất (Theo Giấy xác nhận số 553/GXN-UBND ngày 03/7/2026 của UBND phường Chơn Thành).

- Hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú ngoài địa bàn phường Chơn Thành: **01** hộ gia đình, cá nhân gồm **01** thửa đất, trong đó:

+ Số hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp: **01** hộ gia đình, cá nhân gồm **01** thửa đất (Do chưa có văn bản phúc đáp của địa phương nơi thường trú).

*** Số hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ: 01 hộ gia đình, cá nhân gồm 01 thửa đất.**

5. Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề: Không.

6. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 10 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai;

*** Số nhân khẩu được hỗ trợ: Không.**

7. Khen thưởng: Thực hiện theo khoản 4 Điều 15 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

*** Số hộ gia đình, cá nhân được khen thưởng: 02 hộ gia đình, cá nhân.**

8. Hỗ trợ chi phí di chuyển: Thực hiện theo khoản 1 Điều 8 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

*** Số hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ chi phí di chuyển: Không.**

9. Hỗ trợ khác (Hỗ trợ thêm 20% mức giá bồi thường đất): Thực hiện theo Điều 1 Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 13/6/2026 của UBND phường Chơn Thành về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ hạn chế khả năng sử dụng đất đối với diện tích đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ an toàn lưới điện thuộc dự án đường dây 500kV Bình Dương 1 - Chơn Thành (đoạn qua địa bàn phường Chơn Thành).

*** Số hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ: 14 hộ gia đình, cá nhân gồm 21 thửa đất.**

V. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác Bồi thường, hỗ trợ và lập hồ sơ dự án theo chính sách quy định của Nhà nước là 9.517.203.845 đồng, trong đó:

a) Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 9.195.366.034 đồng, trong đó:

- Bồi thường về đất:	6.803.288.756 đồng.
- Bồi thường về nhà, công trình:	47.464.790 đồng.
- Bồi thường về cây trồng:	454.300.924 đồng.
- Hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi nghề:	229.837.500 đồng.
- Hỗ trợ khác (Thêm 20% mức bồi thường đất):	1.620.474.064 đồng.
- Khen thưởng:	40.000.000 đồng.

b) Chi phí phục vụ công tác BTHT (3,5%): 321.837.811 đồng.

(Kèm theo bảng tổng hợp dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết của từng người có đất thu hồi dự án: Đường dây 500kV Bình Dương 1 - Chơn Thành đoạn qua địa bàn phường Chơn Thành)

VI. Tái định cư: Do dự án chỉ thu hồi nhỏ diện tích đất nông nghiệp để xây dựng trụ móng, không thu hồi đất ở nên không xây dựng phương án bố trí tái định cư.

VII. Nguồn kinh phí thực hiện dự án: Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia.

VIII. Tiến độ thực hiện phương án: Dự kiến thời gian thực hiện giải phóng mặt bằng hết quý III năm 2026./.

(Kèm theo dự thảo Phương án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường dây 500kV Bình Dương 1 - Chơn Thành)

Thông tin thửa đất thu hồi										A. Giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định														Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định (đồng)	Ghi chú
STT	Số PACT	Họ và tên	Địa chỉ chủ sử dụng	Địa chỉ thửa đất	Số thửa	Số thửa bản đồ	Số thửa trên GCNQSDĐ	Số thửa trên KTXĐ và GP BKĐĐĐ	Diện tích đất bị ảnh hưởng (m²)				Đất (đồng)	Nhà công trình (đồng)	Cây trồng (đồng)	Vật nuôi (đồng)	Di chuyển (đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống thu nhập, bồi đắp kinh nghiệm (đồng)	Hỗ trợ khác (Hỗ trợ thêm 20% mức giá bồi thường đất) (đồng)	Khuyến khích (đồng)			
									Số thửa	Số thửa bản đồ	Số thửa	Số thửa bản đồ											Tổng diện tích đất bị ảnh hưởng (m²)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)
1	Số 01/PACT-HĐBT	Hồ ông Phan Văn Long và bà Phan Anh Hòa	Khu phố Đồng Hưng, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	Khu phố Đồng Hưng	052066000989 074168000760	54	6	54	132	2.281,3	0,0	2.281,3	305.146.688	0	24.037.631	0	0	0	0	0	0	0	76.286.672	0	405.470.991
2	Số 02/PACT-HĐBT	Hồ bà Nguyễn Thị Lan	Khu phố Trung Lợi, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	Khu phố Đồng Hưng	046168001136	59	6	59	132	469,1	0,0	469,1	62.746.816	0	3.174.472	0	0	0	0	0	0	0	15.686.704	0	81.607.992
3	Số 03/PACT-HĐBT	Ông Trần Văn Thành và bà Đặng Thị Sấm	Khu phố Minh Thành, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	Khu phố Đồng Hưng	072660004248 001164030761	60	6	60	132	787,5	0,0	787,5	105.336.000	0	7.504.706	0	0	0	0	0	0	0	26.334.000	0	139.174.706
4	Số 04/PACT-HĐBT	Bà Nguyễn Thị Tuyết Anh	Khu phố Minh Thành, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	Khu phố Đồng Hưng	070191000444	58	6	58	132	2,7	0,0	2,7	361.152	0	0	0	0	0	0	0	0	0	90.288	0	451.440
5	Số 05/PACT-HĐBT	Bà Nguyễn Thị Tuyết Anh	Khu phố Minh Thành, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	Khu phố Đồng Hưng	070191000444	39	6	39	132	745,2	0,0	745,2	163.944.000	0	6.310.776	0	0	0	0	0	0	0	40.986.000	0	211.240.776
6	Số 06/PACT-HĐBT	Ông Trần Văn Thành và bà Đặng Thị Sấm	Khu phố Minh Thành, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	Khu phố Đồng Hưng	072660004248 001164030761	51	6	51	132	7.614,0	612,9	7.001,1	1.708.789.500	40.550.390	124.362.680	0	0	229.837.500	0	0	0	0	385.060.500	20.000.000	2.586.600.570
7	Số 07/PACT-HĐBT	Hồ ông Hoàng Văn Rêu và bà Đặng Thị Hồng	Khu phố Đồng Hưng, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	Khu phố Đồng Hưng	070660000982 001168022089	670	6	670	132	4.330,5	0,0	4.330,5	952.710.000	0	63.294.061	0	0	0	0	0	0	0	238.177.500	0	1.254.181.561
8	Số 08/PACT-HĐBT	Bà Hoàng Thị Thủy Linh	Khu phố Đồng Hưng, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	Khu phố Đồng Hưng	070192006655	669	6	669	132	626,6	0,0	626,6	137.852.000	0	4.830.718	0	0	0	0	0	0	0	34.463.000	0	177.145.718
9	Số 09/PACT-HĐBT	Bà Tạ Thị Huyền Thương	Khu phố Đồng Hưng, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	Khu phố Đồng Hưng	040188011708	38	6	38	132	2.132,6	0,0	2.132,6	469.172.000	0	10.059.894	0	0	0	0	0	0	0	117.293.000	0	596.524.894
10	Số 10/PACT-HĐBT	Hồ ông Hà Văn Hiến	xã Nhữ Bích, thành phố Đồng Nai	Khu phố Đồng Hưng	034074019476	30	6	30	132	156,0	0,0	156,0	34.320.000	0	968.765	0	0	0	0	0	0	0	8.580.000	0	43.868.765
11	Số 11/PACT-HĐBT	Ông Nguyễn Đăng Tiến	Khu phố Đồng Hưng, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	Khu phố Đồng Hưng	019070012286	585	132	585	132	42,9	0,0	42,9	9.438.000	0	629.916	0	0	0	0	0	0	0	2.359.500	0	12.427.416
12	Số 12/PACT-HĐBT	Ông Nguyễn Đăng Tiến	Khu phố Đồng Hưng, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	Khu phố Đồng Hưng	019070012286	584	6	584	132	1.908,1	0,0	1.908,1	419.782.000	0	29.431.740	0	0	0	0	0	0	0	104.945.500	0	554.159.240

Thông tin thửa đất thu hồi																									A. Giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định										Chi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																													
STT	Số PACT	Họ và tên	Địa chỉ nhà ở đang	Địa chỉ hiện tại	Số CCCD/CC	Số tờ BQ theo CV số 106/VPDK-KTĐC ngày 08/7/2025 của VP ĐK&Đ										Diện tích đất bị ảnh hưởng (m²)										Đất nông nghiệp (đồng)	Nhà, công trình (đồng)	Cây trồng (đồng)	Vật kiến trúc (đồng)	Di chuyển và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (đồng)	Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống (đồng)	Hỗ trợ an sinh xã hội (đồng)		Hỗ trợ khác (Hỗ trợ theo 20% mức giá bồi thường đất) (đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định (đồng)																																																																																																																																																																																																																																																																																											
						BĐ trên GCNQSDĐ	Số thửa	Số tờ bản đồ	Số thửa	Số tờ bản đồ	Tổng diện tích đất bị ảnh hưởng (m²)	Đất nông nghiệp (thửa bồi)	Đất nông nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)													Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)	Đất công nghiệp (thửa bồi)